

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/DS - ST

Ngày 12/8/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trâm**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Sơn**.

2. Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thuỳ Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 39/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-DS ngày 18/7/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **NGÂN HÀNG TMCP A** - Địa chỉ: số 4xx đường N, Phường 5, Quận 3, TP Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Ông: **Từ Tiến P** - Chức danh: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông: **Nguyễn Đình L** - Chức vụ: Phó Giám đốc phòng Quản lý nợ theo Giấy ủy quyền số 12xx/ UQ-QLN.22 ngày 05/07/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP A. Ủy quyền lại cho bà **Xà Thị Bích H** - Chức vụ: Nhân viên -Địa chỉ liên hệ: 2xx đường B, phường P, quận H, TP Đà Nẵng theo Giấy ủy quyền số 2xx/UQ-QLN 24 ngày 05/3/2024 của Phó Giám đốc phòng Quản lý nợ Ngân hàng TMCP A. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Mộng Y** – Sinh năm: 1979 - Địa chỉ: Tổ 4x, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng và ý kiến trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng TMCP A cấp tín dụng cho bà Lê Thị Mộng Y căn cứ theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số DAN.CN.873.150xxx ngày 15/9/2022; Hợp đồng cấp tín dụng số DAN.CN.876.150xxx ngày 15/9/2022, được giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 372587xxx cụ thể như sau: Số tiền cho vay và giải ngân 14.000.000.000 đồng, Mục đích cho vay: mua nhà, đất – Cấp mới vốn mua bất động sản tại thửa đất số Lô 0x Khu B, Khu tái định cư dọc tuyến S, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Thời hạn cho vay từ ngày 17/9/2022 đến ngày 16/9/2042, lãi suất cho vay: lãi suất trong hạn: 8.5%/năm, cố định trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: - Từ tháng thứ 7 đến tháng 60 kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay, lãi suất được xác định theo công thức Lãi suất (%/năm) = LSCS + 3.5%/năm; - Từ tháng thứ 61 kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay, lãi suất được xác định theo công thức Lãi suất (%/năm) = LSCS + 3.9%/năm, Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Trong quá trình vay vốn, từ ngày giải ngân đến ngày 23/3/2024, bà Y đã trả được 1.058.158.135 đồng (trong đó nợ gốc 78.289.975 đồng, nợ lãi 979.868.160 đồng).

Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà Lê Thị Mộng Y đã thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2xx, tờ bản đồ số 2x, địa chỉ: Lô 0x Khu B, Khu tái định cư dọc tuyến S (đoạn qua khu tái định cư N và khu tái định cư D), phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Lê Thị Mộng Y theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 260xxx do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/9/2022, cập nhật chuyển nhượng ngày 20/9/2022.

Tài sản thế chấp cho Ngân hàng TMCP A căn cứ theo: Hợp đồng thế chấp tài sản số DAN.BĐCN.52.150xxx ngày 20/9/2022 được công chứng tại Phòng công chứng số 3 TP.Đà Nẵng, số công chứng 28xx; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận N, thành phố Đà Nẵng ngày 20/9/2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Lê Thị Mộng Y vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng TMCP A. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, thì ngày 15/01/2024, Ngân hàng TMCP A ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 30/01/2024 Ngân hàng TMCP A đã chuyển nợ quá hạn toàn bộ dư nợ chưa thanh toán Khế ước nhận nợ số 372587xxx.

Nay Ngân hàng TMCP A đề nghị Tòa án tuyên: Buộc bà Lê Thị Mộng Y trả ngay cho Ngân hàng TMCP A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 12/8/2024 là **16.033.355.077 đồng**, trong đó gồm: vốn gốc 13.921.710.025 đồng, lãi trong hạn

1.041.382.580 đồng, lãi quá hạn 1.011.780.230 đồng, phạt chậm trả lãi 58.482.242 đồng và tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ tính kể từ ngày 13/8/2024 đến ngày trả hết nợ.

Nếu bà Lê Thị Mộng Y không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2xx, tờ bản đồ số 2x, địa chỉ: Lô 0x Khu B, Khu tái định cư dọc tuyến S (đoạn qua khu tái định cư N và khu tái định cư D), phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Lê Thị Mộng Y.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Lê Thị Mộng Y vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, bà Y không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các bên đương sự, nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng; Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 280, Điều 299, Điều 303, Điều 320, Điều 322 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với bà Lê Thị Mộng Y: Buộc bà Lê Thị Mộng Y phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tính đến ngày 12/8/2024 là: **16.033.355.077 đồng**, trong đó gồm: vốn gốc 13.921.710.025 đồng, lãi trong hạn 1.041.382.580 đồng, lãi quá hạn 1.011.780.230 đồng, phạt chậm trả lãi 58.482.242 đồng; Buộc bà Lê Thị Mộng Y tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 13/8/2024 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký kết.

Trường hợp bà Lê Thị Mộng Y không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2xx, tờ bản đồ số 2x, địa chỉ: Lô 0x Khu B, Khu tái định cư dọc tuyến S (đoạn qua khu tái định cư N và khu tái định cư D), phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Lê Thị Mộng Y.

Trường hợp bà Lê Thị Mộng Y hoàn tất xong khoản nợ thì phía Ngân hàng TMCP A phải hoàn trả lại cho bà Lê Thị Mộng Y: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 260xxx do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/9/2022, cập nhật chuyển nhượng ngày 20/9/2022 đứng tên bà Lê Thị Mộng Y quy định tại Điều 322 BLDS năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP A và bà Lê Thị Mộng Y thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bà Lê Thị Mộng Y là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hội đồng xét xử xét thấy: Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số DAN.CN.873.150xxx ngày 15/9/2022; Hợp đồng cấp tín dụng số DAN.CN.876.150xxx ngày 15/9/2022, Khế ước nhận nợ số 372587xxx ngày 16/9/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A với bà Lê Thị Mộng Y trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lê Thị Mộng Y đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Mặc dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở nhưng bà Lê Thị Mộng Y vẫn không trả được nợ. Như vậy, bà Lê Thị Mộng Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận tại hợp đồng. Việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP A yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Mộng Y phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tính đến ngày 12/8/2024 là: **16.033.355.077 đồng**, trong đó gồm: vốn gốc 13.921.710.025 đồng, lãi trong hạn 1.041.382.580 đồng, lãi quá hạn 1.011.780.230 đồng, phạt chậm trả lãi 58.482.242 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 280 của Bộ luật dân sự; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần được chấp nhận.

[2.2] Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày **13/8/2024** theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại: Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số DAN.CN.873.150xxx ngày 15/9/2022; Hợp đồng cấp tín dụng số DAN.CN.876.150xxx ngày 15/9/2022, Khế ước nhận nợ số 372587xxx ngày

16/9/2022 cho đến khi bà Lê Thị Mộng Y thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2.3] Xử lý tài sản thế chấp: Tại Hợp đồng thế chấp tài sản số DAN.BĐCN.52.150xxx ngày 20/9/2022 được công chứng tại Phòng công chứng số 3 TP.Đà Nẵng, số công chứng 28xx; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận N, thành phố Đà Nẵng ngày 20/9/2022 thì tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay bao gồm:

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 284, tờ bản đồ số 2x, địa chỉ: Lô 0x Khu B, Khu tái định cư dọc tuyến S (đoạn qua khu tái định cư N và khu tái định cư D), phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Lê Thị Mộng Y theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 260xxx do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/9/2022, cập nhật chuyển nhượng ngày 20/9/2022.

Qua xem xét và đánh giá chứng cứ liên quan đến tài sản thế chấp, HĐXX xét thấy việc thế chấp tài sản được thực hiện đúng nội dung và hình thức, có đăng ký giao dịch bảo đảm để đảm bảo nợ vay đúng với quy định của pháp luật nên trong trường hợp bà Lê Thị Mộng Y không thanh toán được nợ thì tài sản thế chấp nêu trên cần phải xử lý theo điều 299, 303, 320 Bộ luật dân sự để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP A.

Trường hợp bà Lê Thị Mộng Y hoàn tất xong khoản nợ thì phía Ngân hàng TMCP A phải hoàn trả lại cho bà Lê Thị Mộng Y: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 260xxx do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/9/2022, cập nhật chuyển nhượng ngày 20/9/2022 đứng tên bà Lê Thị Mộng Y quy định tại **Điều 322** BLDS năm 2015.

[3] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng yêu cầu bà Lê Thị Mộng Y phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp 5.000.000 đồng. Căn cứ Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng: Buộc bà Lê Thị Mộng Y phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Do Ngân hàng TMCP A đã nộp tạm ứng chi phí trước đó nên cần buộc bà Lê Thị Mộng Y phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A được chấp nhận nên bị đơn là bà Lê Thị Mộng Y phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 157; Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 280; Điều 299; Điều 303; Điều 320; Điều 322 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng TMCP A đối với bà Lê Thị Mộng Y.

Xử:

1. Buộc bà Lê Thị Mộng Y phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tính đến ngày 12/8/2024 là: **16.033.355.077 đồng** (*Mười sáu tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm mười ba nghìn, ba trăm tám mươi bốn đồng*), trong đó gồm: vốn gốc 13.921.710.025 đồng, lãi trong hạn 1.041.382.580 đồng, lãi quá hạn 1.011.780.230 đồng, phạt chậm trả lãi 58.482.242 đồng.

2. Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 13/8/2024 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại: Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số DAN.CN.873.150xxx ngày 15/9/2022; Hợp đồng cấp tín dụng số DAN.CN.876.150xxx ngày 15/9/2022, Khế ước nhận nợ số 372587xxx ngày 16/9/2022 cho đến khi bà Lê Thị Mộng Y thanh toán xong khoản nợ.

3. Xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp bà Lê Thị Mộng Y không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng gồm: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2xx, tờ bản đồ số 2x, địa chỉ: Lô 0x Khu B, Khu tái định cư dọc tuyến S (đoạn qua khu tái định cư N và khu tái định cư D), phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Lê Thị Mộng Y theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 260xxx do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/9/2022, cập nhật chuyển nhượng ngày 20/9/2022 đứng tên bà Lê Thị Mộng Y.

Trường hợp bà Lê Thị Mộng Y hoàn tất xong khoản nợ thì phía Ngân hàng TMCP A phải hoàn trả lại cho bà Lê Thị Mộng Y: Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 260xxx do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/9/2022, cập nhật chuyển nhượng ngày 20/9/2022 đứng tên bà Lê Thị Mộng Y.

4. Ấn phí DS - ST: Bà Lê Thị Mộng Y phải chịu là **124.025.713 đồng** (*Một trăm hai mươi bốn triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn, bảy trăm mười ba đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí **61.560.000 đồng** (*Sáu mươi một triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 16xx ngày 01/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

5. Chí phí xem xét thẩm định tại chỗ: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) buộc bà Lê Thị Mộng Y phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận N;
- Chi cục THA dân sự quận N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ TRÂM